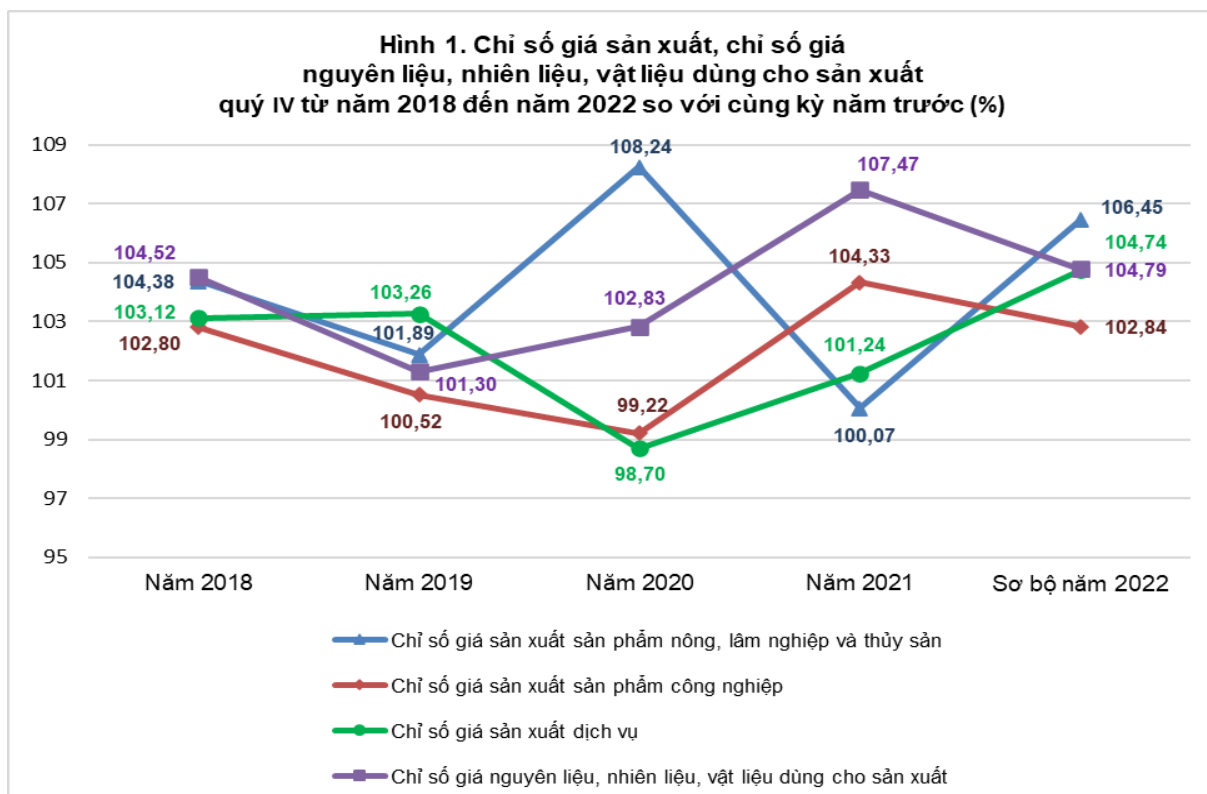


Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2022

**TỔNG QUAN CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT, CHỈ SỐ GIÁ NGUYÊN NHIÊN
VẬT LIỆU DÙNG CHO SẢN XUẤT, CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU,
NHẬP KHẨU QUÝ IV VÀ NĂM 2022**

Thị trường hàng hóa thế giới năm 2022 phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng bị đứt gãy; căng thẳng năng lượng làm lạm phát tại nhiều nước tăng cao, các quốc gia đẩy mạnh chính sách thắt chặt tiền tệ; hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp. Trong nước, nền kinh tế phục hồi nhanh, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu tăng cao, cùng với tác động của giá nguyên nhiên vật liệu trên thị trường thế giới đã đẩy giá sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong nước tăng. Chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất, chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu quý IV và năm 2022 đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Trước tình hình đó, Chính phủ chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp bình ổn giá, kiềm chế lạm phát, hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội.

I. TỔNG QUAN



Trong quý IV/2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,74% so với quý III/2022 và tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước; chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp giảm 1,01% và tăng 2,84%; chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 1,24% và tăng 4,74%.

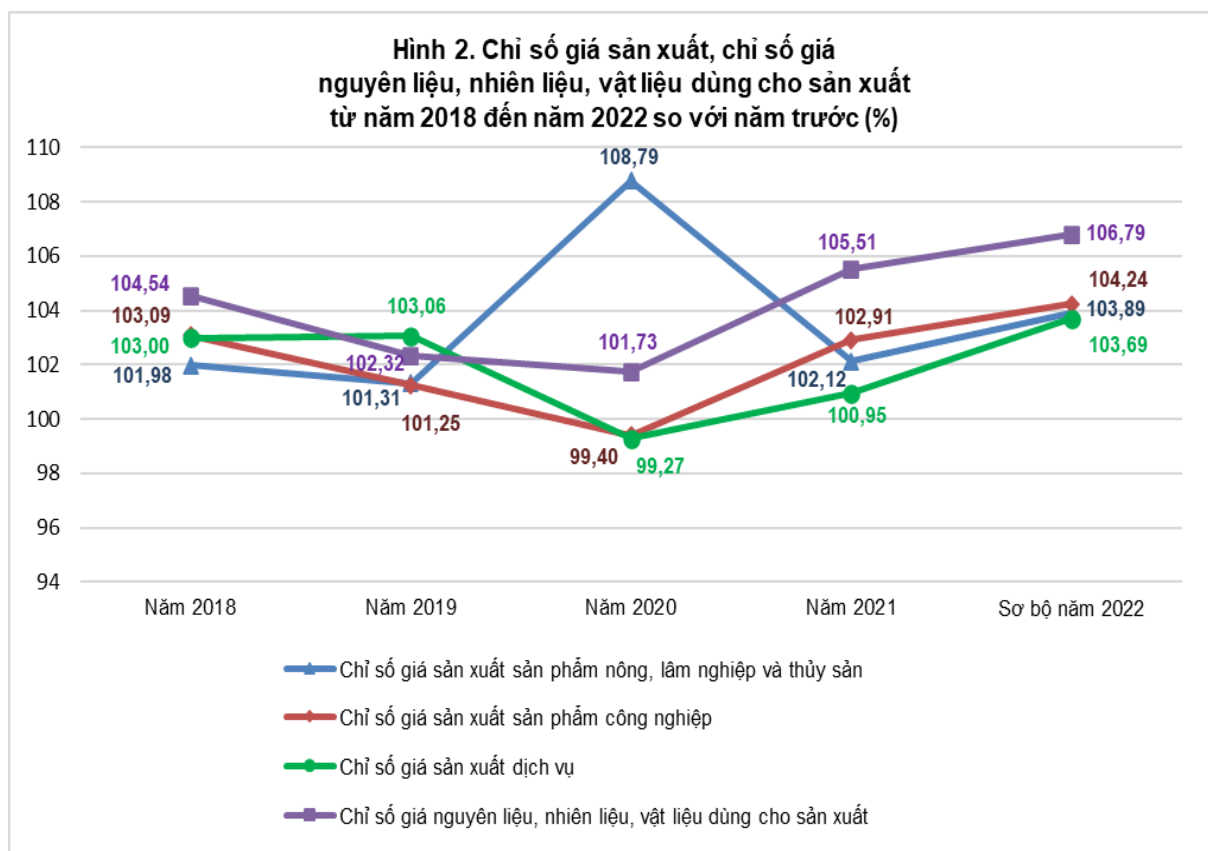
Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất quý IV/2022 tăng 0,16% so với quý III/2022 và tăng 4,79% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá quý IV/2022 giảm 3,37% so với quý III/2022 và tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước; chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá giảm 3,88% và tăng 1,97%; tỷ giá thương mại hàng hóa tăng 0,53% và tăng 1,51%.

Tính chung năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,89% so với năm trước; chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 4,24%; chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 3,69%.

Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất năm 2022 tăng 6,79% so với năm 2021.

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá năm 2022 tăng 7,09% so với năm trước; chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá tăng 8,56%; tỷ giá thương mại hàng hóa giảm 1,36%.



Biến động của chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất, chỉ số giá xuất khẩu và nhập khẩu năm 2022 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

1. Yếu tố thị trường

Thị trường hàng hóa thế giới năm 2022 có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế, chính trị và xung đột vũ trang. Các rủi ro vĩ mô tiếp tục gia tăng như lạm phát tăng cao kỷ lục tại nhiều nước, biến động về nguồn cung lương thực toàn cầu, giá năng lượng tăng cao, xung đột Nga và Ucraina làm chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng bị gián đoạn, một số quốc gia có dấu hiệu rơi vào suy thoái. Nhiều nước chuyển từ nới lỏng các biện pháp tài khóa, tiền tệ trong năm 2020-2021 sang thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất với tần suất, mức độ khác nhau trong năm 2022 để kiềm chế lạm phát.

Giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất trên thị trường quốc tế nhiều biến động. Mặc dù trong tháng 11 và tháng 12/2022, OPEC+ đã giảm sản lượng khai thác dầu 2 triệu thùng/ngày, tương đương 2% nhu cầu thế giới do triển vọng kinh tế toàn cầu có dấu hiệu suy yếu, kinh tế Trung Quốc và nhiều nước tăng trưởng chậm nhưng trong năm 2022 nguồn cung dầu thô vẫn thấp hơn nhu cầu sử dụng của thị trường thế giới nên giá dầu vẫn ở mức cao.

Tại cuộc họp ngày 14/12/2022, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất lần thứ bảy trong năm 2022 với mức lãi suất tăng 0,5 điểm phần trăm nhằm đối phó với lạm phát ở mức cao nhất trong 40 năm qua. Trong năm, giá đô la Mỹ (USD), giá vàng trên thị trường thế giới nhiều biến động đã gây ảnh hưởng đến giá các mặt hàng kim loại quý, kim loại công nghiệp và các loại hàng hóa xuất, nhập khẩu thanh toán bằng USD dẫn đến giá một số mặt hàng thiết yếu tăng.

Tính đến ngày 22/12/2022, giá dầu Brent bình quân năm 2022 đạt 99,23 USD/thùng, tăng 32,66% so với tháng 12/2021 và tăng 45,99% so với năm trước¹; giá xăng Ron 92 tại thị trường Xin-ga-po đạt 109,13 USD/thùng, tăng 26,28% và tăng 40,55%². Bên cạnh đó, bình quân năm 2022, tại Mỹ một số mặt hàng có tốc độ tăng giá so với năm trước rất cao như: Giá cà phê tăng 25,83%; giá bông tăng 18,75%; giá lúa mì tăng 29,48%; giá ngô tăng 19,49% và giá đậu nành tăng 10,71%.

Thị trường hàng hóa trong nước diễn biến theo thị trường thế giới, giá nhập khẩu một số nguyên liệu đầu vào cho sản xuất trong nước năm 2022 so với năm trước tăng cao. Giá nhập khẩu xăng dầu tăng 43,66%; giá nhập khẩu phân bón các loại tăng 33,27%; giá nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu³ tăng 25,02%; giá nhập khẩu sắt thép tăng 20,92%. Giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào các ngành sản

¹ Nguồn số liệu: <https://vn.investing.com/commodities/brent-oil-historical-data>.

² Nguồn số liệu: http://minhbach.moit.gov.vn/?page=petroleum_singapore&menu_id=54.

³ Nguyên liệu gồm: Bột thịt, bột huyết, bột xương; bột cá, bột tôm; bột đậu nành; bã đậu nành; bã, phế liệu từ quá trình ủ, chưng cất; khô dầu đậu tương...

phẩm sản xuất trong nước năm 2022 tăng từ 0,66%-7,23% so với năm 2021. Giá xuất khẩu xăng dầu; dầu thô; than; hạt tiêu và cà phê của Việt Nam tăng lần lượt 70,84%; 65,69%; 36,56%; 24,91% và 22%.

2. Chính sách quản lý, điều hành của Chính phủ và các Bộ, ngành

Để chủ động ứng phó với những thách thức trong công tác quản lý và điều hành giá, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Ngày 28/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP Quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái - Trưởng ban Chỉ đạo điều hành giá ban hành Văn bản số 882/VPCP-KTTH ngày 10/2/2022, Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 2/3/2022 và Thông báo số 81/TB-VPCP ngày 24/3/2022 về các giải pháp cụ thể đối với công tác điều hành giá năm 2022. Ngày 31/7/2022, Thủ tướng Chính phủ có Công điện số 679/CD-TTg về việc tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá. Ngày 16/9/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giữa vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong tình hình mới...

Bên cạnh đó, Chính phủ, Quốc hội đã ban hành một số chính sách quan trọng được thực hiện cấp bách nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân như giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 theo Nghị quyết số 13/2021/UBTVQH15; giảm 70% mức thuế bảo vệ môi trường đối với dầu hỏa và giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn (trừ nhiên liệu bay) từ ngày 1/4/2022 đến hết ngày 31/12/2022 theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí trong 6 tháng đầu năm 2022 quy định tại Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021; giảm mức thuế suất thuế nhập khẩu mặt hàng xăng động cơ, không pha chì từ 20% xuống 10% theo Nghị định số 51/2022/NĐ-CP ngày 8/8/2022; Quyết định số 791/QĐ-TTg ngày 03/7/2022 về nguyên tắc hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022; Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Công điện số 1170/CD-TTg ngày 16/12/2022 về các biện pháp ổn định, phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, bền vững và chăm lo đời sống người lao động.

Chính phủ và các Bộ, ngành đã triển khai quyết liệt các biện pháp về quản lý, điều hành giá, đồng thời triển khai đồng bộ, toàn diện các chính sách về tài khóa, tiền tệ để kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo đảm đời sống của người dân.

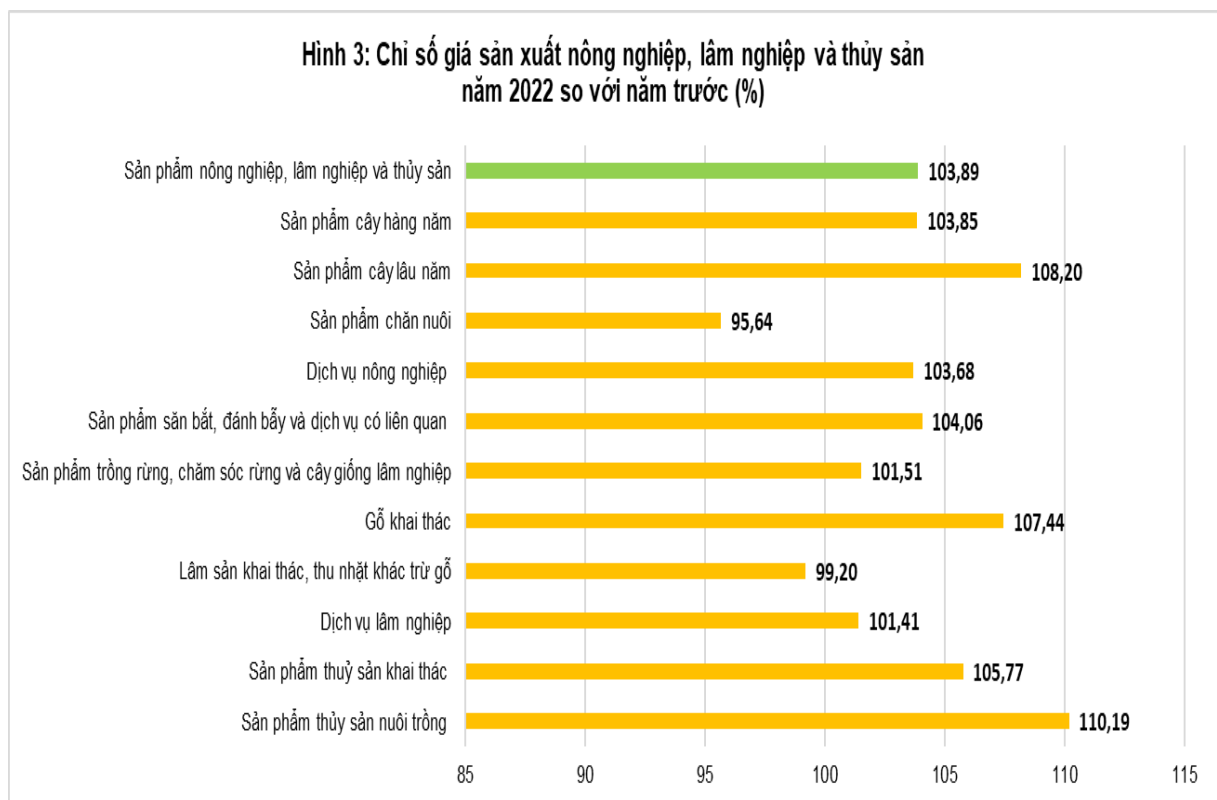
Thực hiện Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, giá xăng dầu trong nước năm 2022 được điều chỉnh tăng 18 đợt, giảm 16 đợt, trong đó giá xăng A95 giảm 2.590 đồng/lít so với tháng 12/2021; giá xăng E5 giảm 2.580 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 4.030 đồng/lít. So với năm 2021, giá xăng dầu trong nước bình quân năm 2022 tăng 28,01%.

II. DIỄN BIẾN CÁC LOẠI CHỈ SỐ GIÁ

1. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý IV/2022 tăng 0,74% so với quý III/2022 và tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,89% so với năm trước. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 2,44%; lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 3,98%; thủy sản khai thác, nuôi trồng tăng 8,43%.



a) Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan quý IV/2022 tăng 0,76% so với quý trước và tăng 5,09% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó sản phẩm từ cây hàng năm tăng 2,41% và tăng 4,85%; sản phẩm từ cây lâu năm giảm 0,36% và tăng 4,34%; sản phẩm từ chăn nuôi giảm 0,86% và tăng 6,2%; dịch vụ nông nghiệp tăng 0,28% và tăng 4,84%; sản phẩm từ săn bắt, đánh bắt và dịch vụ có liên quan tăng 5,39% và giảm 1,24%.

Năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 2,44% so với năm trước, trong đó:

Chỉ số giá sản phẩm từ cây hàng năm, năm 2022 tăng 3,85% so với năm trước. Trong đó, giá thóc khô giảm 0,51%; giá nhóm sản phẩm ngô và cây lương thực có hạt khác tăng 7,76% do nhu cầu sử dụng làm thức ăn chăn nuôi trong và ngoài nước tăng, giá tăng do ảnh hưởng của giá sản phẩm ngô trên thị trường thế giới tăng trong khi nguồn cung trên thế giới giảm do thời tiết bất lợi; giá rau các loại tăng 9,25%; giá sản phẩm cây gia vị hàng năm tăng 8,21%; giá nhóm sản phẩm mía cây tươi tăng 9,74%.

Chỉ số giá sản phẩm từ cây lâu năm, năm 2022 tăng 8,2% so với năm trước. Trong đó, giá cà phê nhân tăng 20,1% do chi phí đầu vào sản xuất tăng cao như giá nhập khẩu phân bón các loại tăng 33,27%; thuốc trừ sâu và nguyên liệu tăng 4,16%, chi phí nhân công tăng; nhu cầu nhập khẩu các nước tăng trong khi nguồn cung cà phê nhân trên thị trường thế giới giảm do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; đồng thời một số nước lớn sản xuất cà phê hạn chế xuất khẩu do chênh lệch lớn về tỷ giá thanh toán giữa USD với đồng tiền các nước. Giá sản phẩm cây ăn quả tăng 4,75%; giá sản phẩm cây chè tăng 2,07%.

Ở chiều ngược lại, giá một số sản phẩm năm 2022 giảm so với năm trước, cụ thể giá sản phẩm mủ cao su khô giảm 0,03% do ảnh hưởng của giá thế giới và nhu cầu nhập khẩu mủ cao su khô từ một số nước lớn giảm như Trung Quốc chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; Mỹ, châu Âu chịu ảnh hưởng của lạm phát tác động đến hoạt động sản xuất sử dụng nguyên liệu mủ cao su khô nhập khẩu từ các nước. Giá sản phẩm cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm giảm 0,04% do nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giảm.

Chỉ số giá sản phẩm từ chăn nuôi, năm 2022 giảm 4,36% so với năm trước. Trong đó, giá sản phẩm chăn nuôi lợn và giống lợn giảm 15,03%, chủ yếu do dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát tốt nguồn cung dồi dào⁴ trong khi nhu cầu tiêu

⁴ Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2022 ước tính đạt 4.425,1 nghìn tấn, tăng 5,9% so với năm 2021.

dùng trong nước tương đối ổn định. Giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm năm 2022 tăng 6,94% so với năm 2021 do chi phí nguyên liệu chăn nuôi tăng, đặc biệt giá thức ăn chăn nuôi, dịch vụ an toàn sinh học đều tăng đã tác động làm giá tăng. Cụ thể, giá sản phẩm chăn nuôi gà tăng 7,23%; vịt, ngan, ngỗng tăng 5,18%.

b) Chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan quý IV/2022 tăng 0,63% so với quý trước và tăng 6,32% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá sản phẩm trồng rừng, chăm sóc rừng và cây giống lâm nghiệp tăng 0,95% và tăng 2,2%; gỗ khai thác tăng 0,94% và tăng 11,01%; lâm sản khai thác, thu nhặt khác trừ gỗ giảm 0,1% và giảm 0,09%; dịch vụ lâm nghiệp tăng 0,11% và tăng 0,38%.

Năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 3,98% so với năm 2021. Trong đó, chỉ số giá sản phẩm trồng rừng, chăm sóc rừng và cây giống lâm nghiệp tăng 1,51%; gỗ khai thác tăng 7,44%; lâm sản khai thác, thu nhặt khác trừ gỗ giảm 0,8%; dịch vụ lâm nghiệp tăng 1,41%. Giá gỗ khai thác tăng cao chủ yếu do chi phí đầu vào như giá xăng dầu và chi phí vận chuyển tăng; bên cạnh đó chiến sự kéo dài giữa Nga và Ucraina làm gián đoạn hoạt động xuất nhập khẩu sản phẩm gỗ.

c) Chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản khai thác, nuôi trồng

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản khai thác, nuôi trồng quý IV/2022 tăng 0,72% so với quý trước và tăng 10,7% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó giá nhóm sản phẩm thủy sản khai thác tăng 0,47% và tăng 8,83%; nhóm thủy sản nuôi trồng tăng 0,87% và tăng 11,91%.

Năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản tăng 8,43% so với năm trước, trong đó giá nhóm sản phẩm thủy sản khai thác tăng 5,77%; giá nhóm thủy sản nuôi trồng tăng 10,19%.

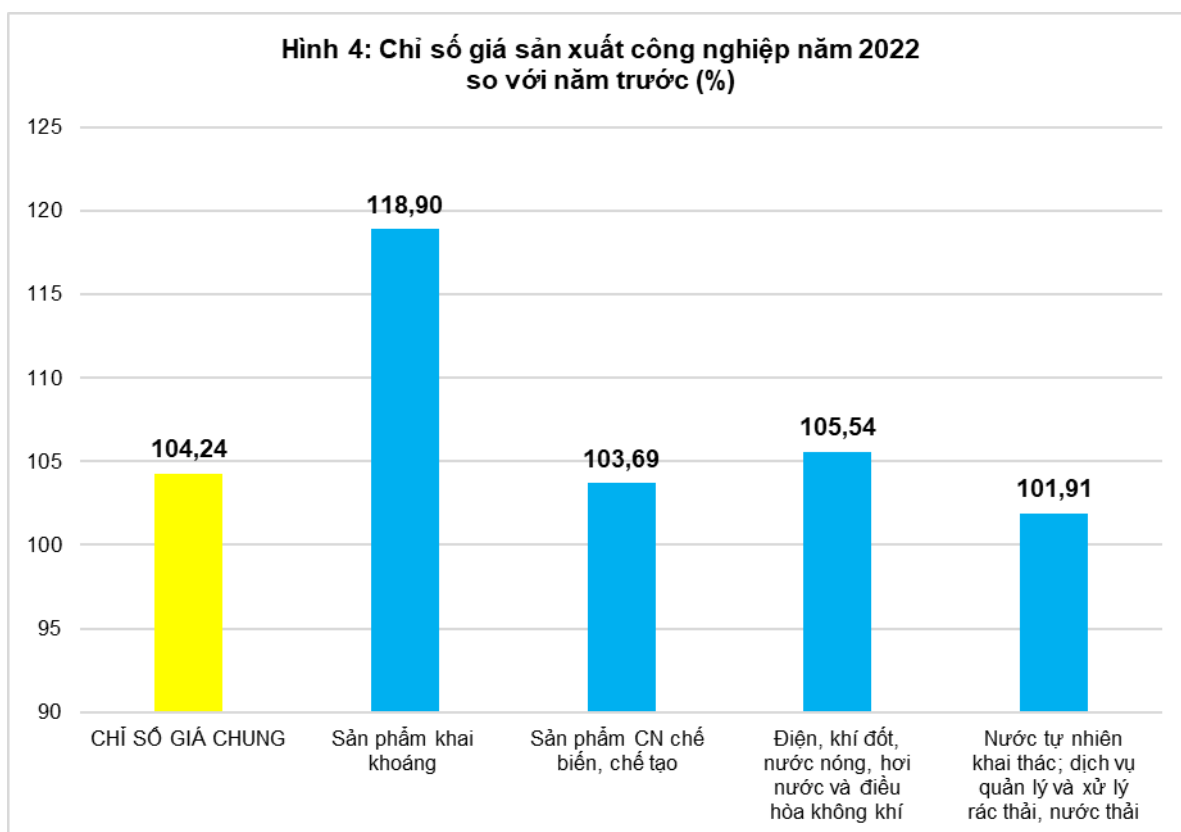
Trong nhóm sản phẩm thủy sản khai thác, chỉ số giá sản phẩm thủy sản khai thác biển năm 2022 tăng 6% so với năm trước, trong đó giá cá ngừ đại dương tăng 19,2%; cá khai thác biển khác tăng 5,7%; tôm khai thác biển tăng 4,83%; sản phẩm thủy sản khác tăng 5,92%, do chi phí nguyên liệu đầu vào phục vụ khai thác biển như giá xăng dầu, giá vật tư, chi phí thuê nhân công tăng.

Trong nhóm sản phẩm thủy sản nuôi trồng, chỉ số giá sản phẩm tôm nuôi nội địa năm 2022 tăng 12,43% so với năm trước, cá nuôi nội địa tăng 11,42% do giá thức ăn chăn nuôi và giá thuốc thủy sản tăng. Trong đó, chỉ số giá nhóm cá tra tăng 26,49% theo giá thế giới; giá sản phẩm tôm thẻ chân trắng tăng 11,42% và tôm sú tăng 9,12%.

2. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý IV/2022 giảm 1,01% so với quý trước và tăng 2,84% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 4,24% so với năm 2021. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 18,9%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,69%; điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 5,54%; nước tự nhiên khai thác, dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,91%.



a) Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng quý IV/2022 giảm 10,39% so với quý trước và tăng 6,64% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 18,9% so với năm trước. Trong đó, chỉ số giá dầu thô và khí đốt tự nhiên khai thác bình quân năm 2022 tăng 36,92% so với năm 2021 do giá thế giới tăng cao khi hoạt động sản xuất tại các quốc gia hồi phục, OPEC+ cắt giảm sản lượng dầu mỏ trong tháng 11 và tháng 12/2022, đặc biệt căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực như Đông Âu, Trung Đông và xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina đã đẩy giá các mặt hàng năng lượng tăng cao.

Chỉ số giá nhóm quặng kim loại và tinh quặng kim loại năm 2022 tăng 17,65% so với năm trước do ảnh hưởng của giá thế giới và lo ngại thiếu hụt nguồn cung từ Ô-xtrây-li-a, đặc biệt Trung Quốc là quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới thực hiện chính sách kiểm soát sản lượng kết hợp với kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các thành phố sản xuất quặng sắt và chính sách zero Covid-19 đã tác động đẩy giá nhóm hàng này tăng cao.

Chỉ số giá than cứng và than non năm 2022 tăng 9,93% so với năm trước do chi phí đầu vào sản xuất than như giá xăng dầu và chi phí nhân công tăng, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam điều chỉnh giá sản xuất các mặt hàng than đá tại một số đơn vị sản xuất theo Quyết định số 02/QĐ-TKV ngày 05/01/2022 và Quyết định số 1139/QĐ-TKV ngày 20/7/2022; Tổng công ty Đông Bắc điều chỉnh giá bán than thị trường trong nước theo Quyết định số 2489/QĐ-ĐB ngày 29/4/2022 và Quyết định số 3296/QĐ-ĐB ngày 07/6/2022.

b) Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo quý IV/2022 giảm 0,37% so với quý trước và tăng 2,64% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,69% so với năm trước. Trong đó, một số mặt hàng có mức giá tăng cao:

- Chỉ số giá than cốc và dầu mỏ tinh chế tăng 47,21% do chi phí đầu vào sản xuất tăng, nhu cầu sử dụng nhiên liệu, xăng dầu trên thế giới tăng, OPEC+ giảm sản lượng khai thác dầu trong tháng 11 và tháng 12/2022, đồng thời chịu sự tác động xung đột quân sự Nga và Ucraina, từ đó đã tác động đến giá trong nước.

- Chỉ số giá sản phẩm chế biến thực phẩm tăng 8,39% do chi phí đầu vào sản xuất các loại thực phẩm chế biến như giá thức ăn chăn nuôi; dầu, mỡ động, thực vật chế biến tăng; xung đột quân sự Nga và Ucraina đã tác động đến nguồn cung nguyên liệu sản xuất các mặt hàng thực phẩm chế biến, đồng thời chi phí vận chuyển tăng do giá xăng dầu tăng cao.

- Chỉ số giá sản phẩm kim loại tăng 7,86% do giá sản phẩm sắt, thép tăng theo giá thế giới; chi phí đầu vào sản xuất như giá xăng, dầu, than, chi phí nhân công tăng; nguồn cung sắt, thép toàn cầu giảm do ảnh hưởng dịch Covid-19 bùng phát tại Trung Quốc và chính sách cắt giảm sản lượng sản xuất. Trong nước, Chính phủ triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, hoạt động xây dựng khởi sắc làm cho nhu cầu sắt, thép xây dựng trên thị trường tăng.

- Chỉ số giá hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 7,44% do giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất hóa chất tăng, cùng với đó là sự gia tăng chi phí vận chuyển trong nước và thế giới do giá dầu mỏ tăng cao.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng có mức giá giảm so với năm trước như chỉ số giá thuốc, hóa dược và dược liệu năm 2022 giảm 1,61% và chỉ số giá xe ô tô và xe có động cơ khác giảm 0,41% do nhu cầu sử dụng các mặt hàng này giảm, lượng hàng tồn kho nhiều, nhà sản xuất giảm giá bán; chỉ số giá sản phẩm chế biến, chế tạo khác giảm 1,65%.

c) Chỉ số giá sản xuất điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí

Chỉ số giá sản xuất điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí quý IV/2022 giảm 0,2% so với quý trước do nhu cầu sử dụng điện và giá khí phục vụ sản xuất điện giảm. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá sản xuất điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí quý IV/2022 tăng 7,37% do chi phí nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất điện như giá dầu, khí đốt, than nhập khẩu tăng.

Tính chung năm 2022, chỉ số giá sản xuất điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 5,54% so với năm trước.

d) Chỉ số giá sản xuất nước tự nhiên khai thác; dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải

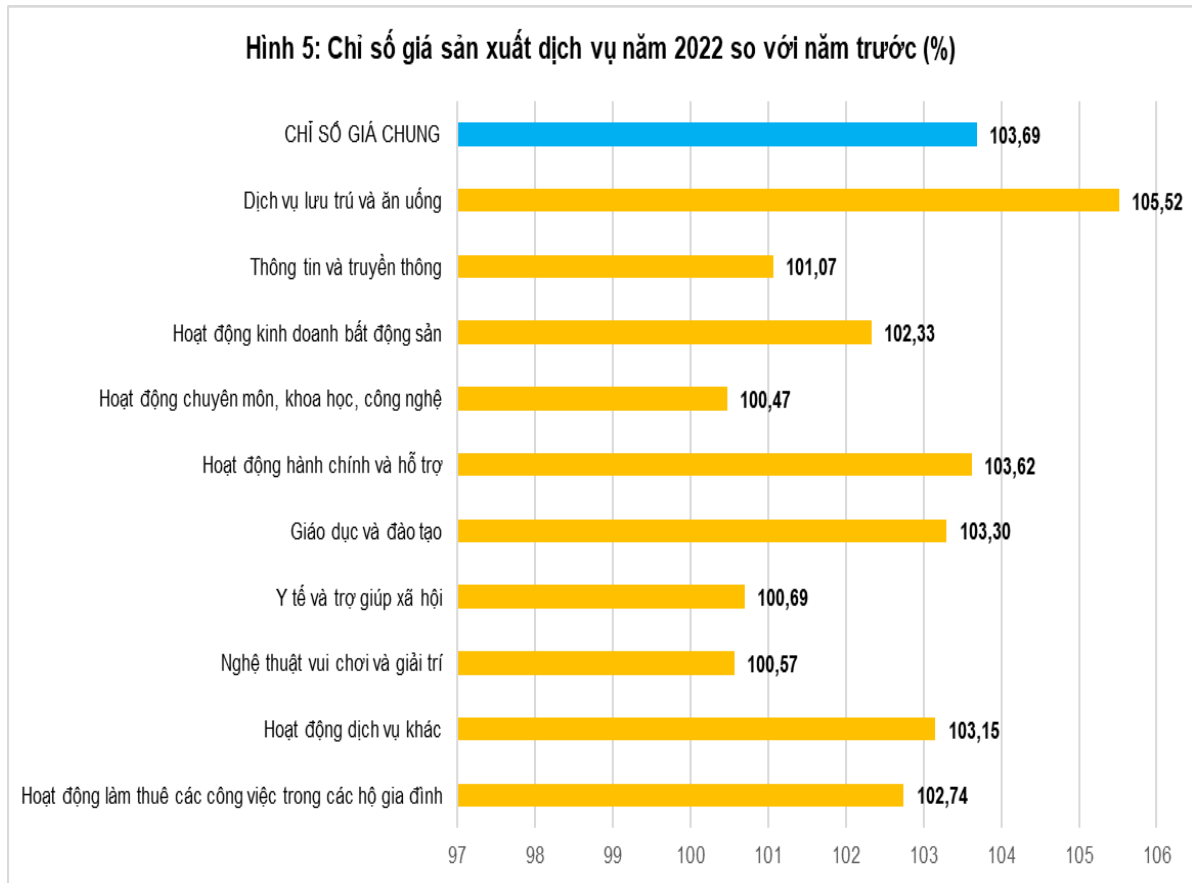
Chỉ số giá sản xuất nước tự nhiên khai thác, dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải quý IV/2022 tăng 0,21% so với quý trước và tăng 2,21% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung năm 2022, chỉ số giá sản xuất nước tự nhiên khai thác, dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,91% so với năm 2021 do một số địa phương điều chỉnh giá dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, nước thải, đặc biệt chi phí đầu vào như xăng, dầu, chi phí nhân công phục vụ khai thác nước và nhu cầu sử dụng nước tăng làm cho chỉ số giá sản phẩm sản xuất nước tự nhiên khai thác tăng.

3. Chỉ số giá sản xuất dịch vụ

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý IV/2022 tăng 1,24% so với quý trước và tăng 4,74% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung năm 2022, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 3,69% so với năm trước. Trong đó, dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 8,36%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 5,52%; giáo dục và đào tạo tăng 3,3%; hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình tăng 2,74%; hoạt động dịch vụ khác tăng 3,15%.



a) Chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi

Chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi quý IV/2022 giảm 0,95% so với quý trước và tăng 9,41% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ giảm 0,71% và tăng 8,38%; dịch vụ vận tải đường thủy tăng 0,8% và tăng 5,43%; dịch vụ vận tải đường hàng không giảm 3,43% và tăng 46,14%.

Bình quân năm 2022, chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 8,36% so với năm trước, chủ yếu do giá xăng dầu liên tục tăng cao trong 6 tháng đầu năm 2022 tác động đến chi phí vận tải của các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh vận tải. Thêm vào đó, dịch Covid-19 được kiểm soát, các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ được phục hồi, nhu cầu đi lại và du lịch của người dân tăng. Một số doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh vận tải điều chỉnh tăng giá dịch vụ để bù đắp chi phí vật tư, sửa chữa, bảo dưỡng và nhiên liệu đầu vào. Từ tháng 7/2022 đến nay, sau khi Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành thực hiện các giải pháp để điều hành giảm giá nhiên liệu nhằm bình ổn giá trên thị trường, giá nhiên liệu trong nước đã có 13 lần điều chỉnh giảm và 5 lần tăng giá, theo đó chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi quý IV/2022 giảm 0,95% so với quý III/2022, tuy nhiên bình quân chung cả năm 2022 tăng 8,36% so với năm 2021. Trong đó:

Chỉ số giá dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ năm 2022 tăng 7,6% so với năm 2021, trong đó dịch vụ vận tải đường sắt tăng 9,16%; dịch vụ vận tải đường

bộ và xe buýt tăng 7,44%, Chỉ số giá dịch vụ vận tải đường thủy tăng 9,24%, bao gồm: Giá dịch vụ vận tải đường ven biển và viễn dương tăng 9,46%; dịch vụ vận tải đường thủy nội địa tăng 6,1%, Chỉ số giá dịch vụ vận tải đường hàng không tăng 35,84%; chỉ số giá dịch vụ kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hỗ trợ vận tải tăng 0,82%; dịch vụ bưu chính và chuyển phát tăng 1,79%.

b) Chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống

Chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống quý IV/2022 tăng 1,18% so với quý trước và tăng 6,89% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, dịch vụ lưu trú tăng 2,98% và tăng 11,73%; dịch vụ ăn uống tăng 0,89% và tăng 6,13%.

Bình quân năm 2022, chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 5,52% so với năm 2021. Trong đó:

Chỉ số giá dịch vụ lưu trú năm 2022 tăng 7,95% so với năm trước do dịch Covid-19 được kiểm soát tốt, hoạt động du lịch mở cửa hoàn toàn, lượng khách trong nước và quốc tế đến và lưu trú tăng. Bên cạnh đó, nhu cầu du lịch của người dân tăng cao trong các kỳ nghỉ khiến nhiều khách sạn, khu nghỉ dưỡng kín phòng, đặc biệt tại các địa điểm du lịch nổi tiếng.

Chỉ số giá dịch vụ ăn uống năm 2022 tăng 5,12% so với năm trước, chủ yếu do dịch Covid-19 được kiểm soát, hoạt động du lịch phục hồi rõ nét làm nhu cầu ăn uống ngoài gia đình tăng. Bên cạnh đó, giá xăng dầu cùng với giá nguyên liệu chế biến tăng đã làm tăng giá dịch vụ ăn uống.

c) Chỉ số giá dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội

Chỉ số giá dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội quý IV/2022 tăng 0,02% so với quý trước và tăng 0,41% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân năm 2022, chỉ số giá dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội tăng 0,69% so với năm 2021 do thực hiện lộ trình tăng giá các dịch vụ trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

d) Chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo

Chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo quý IV/2022 tăng 6,8% so với quý trước và tăng 9,33% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân năm 2022, chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo tăng 3,3% so với năm 2021 do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc quy định mức thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022-2023 trở đi tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn. Ngoài ra, một số cơ sở giáo dục ngoài công lập điều chỉnh mức tăng học phí phù hợp với quy định.

e) Chỉ số giá hoạt động dịch vụ khác

Chỉ số giá hoạt động dịch vụ khác quý IV/2022 tăng 0,89% so với quý trước và tăng 4,16% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân năm 2022, chỉ số giá hoạt động dịch vụ khác tăng 3,15% so với năm 2021 chủ yếu do chi phí nhân công, phí sửa chữa máy tính và thiết bị liên lạc, bảo dưỡng đồ dùng cá nhân và hộ gia đình và giá dịch vụ cắt uốn tóc, chăm sóc sức khỏe tăng.

4. Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất

Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất quý IV/2022 tăng 0,16% so với quý trước và tăng 4,79% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,01% và tăng 8,65%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,25% và tăng 4,82%; dùng cho xây dựng giảm 0,92% và tăng 3,98%.

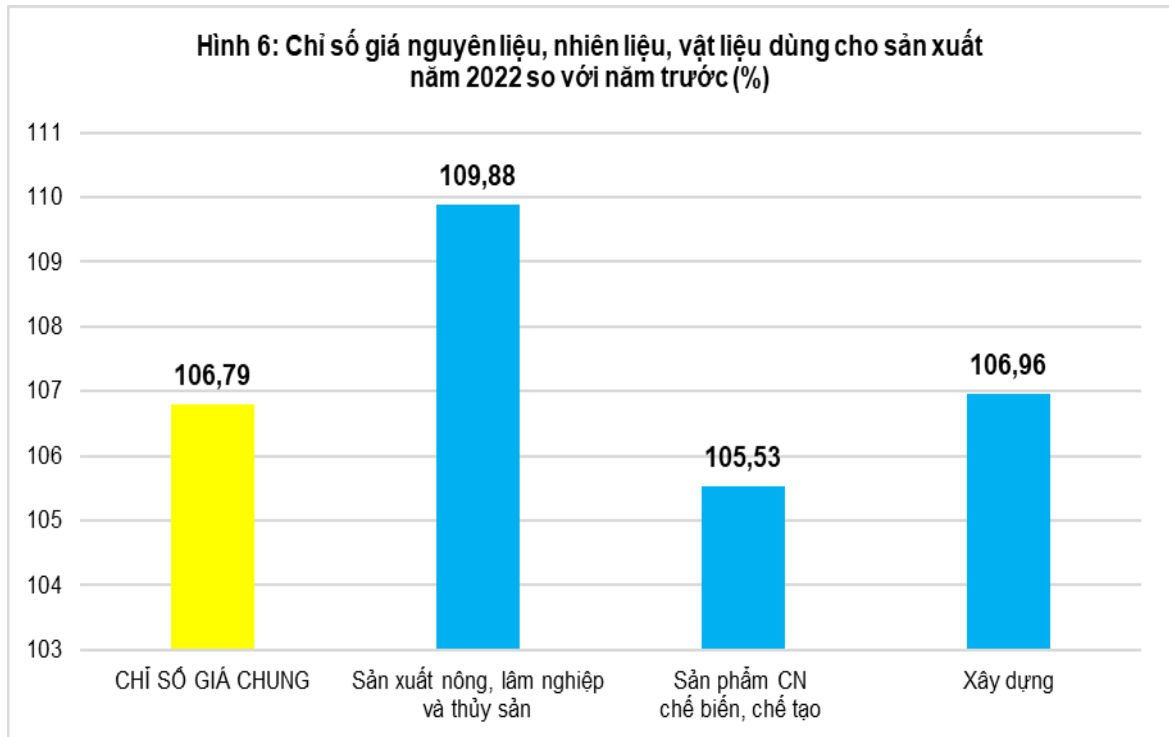
Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất quý IV/2022 tăng chủ yếu do:

- Chỉ số giá sản phẩm chế biến từ dầu mỏ quý IV trong nông nghiệp giảm 5,39% so với quý trước và tăng 15,93% so với cùng kỳ năm 2021, trong công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 7,76% và tăng 13,54%; trong xây dựng giảm 12,55% và tăng 17,77% nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng từ giá dầu thế giới, nhu cầu tiêu thụ dầu trong quý IV/2022 giảm do dịch Covid-19 ở Trung Quốc và những khó khăn kinh tế tại khu vực châu Âu.

- Chỉ số giá hoá chất cơ bản, phân bón và hợp chất nitơ, sản xuất plastic và cao su tổng hợp nguyên sinh quý IV tăng 0,46% so với quý trước và tăng 17,47% so với cùng kỳ năm 2021 do nguồn cung trên thế giới giảm khi chịu ảnh hưởng bởi xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina làm chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu gián đoạn, chi phí vận chuyển tăng và nhu cầu tiêu dùng tăng.

- Chỉ số giá thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản quý IV tăng 0,97% so với quý trước và tăng 7,35% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu do giá nguyên liệu nhập khẩu đầu vào để sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tăng, nguồn cung nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi trên thế giới giảm do ảnh hưởng thời tiết bất lợi và chi phí vận chuyển ở mức cao trong khi nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trong nước phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu.

- Chỉ số giá nhóm dịch vụ phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng quý IV tăng 0,62% so với quý trước và tăng 9,18% so với cùng kỳ năm 2021; chỉ số giá dịch vụ hoàn thiện công trình xây dựng tăng 1,06% và tăng 6,44% do giá nhân công và nhu cầu xây dựng tăng vào cuối năm.



Tính chung năm 2022, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 6,79% so với năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 9,88%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,53%; dùng cho xây dựng tăng 6,96%.

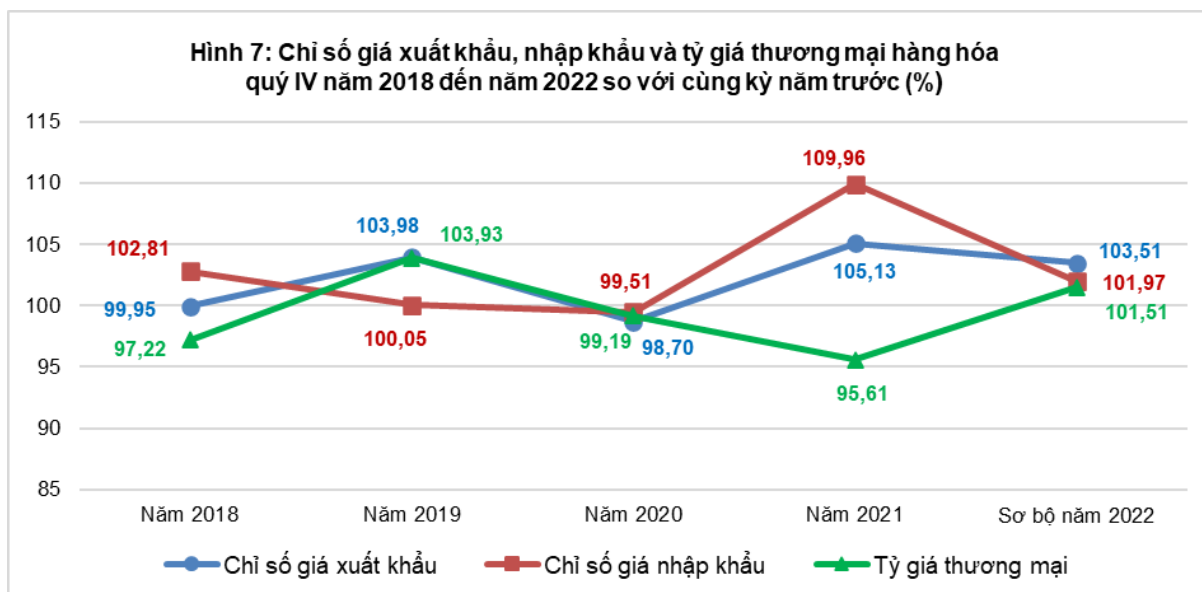
Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất năm 2022 tăng cao do các nhóm nguyên nhiên vật liệu thiết yếu trong sản xuất tăng. Cụ thể:

- Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, nhóm hoá chất cơ bản, phân bón và hợp chất nitơ, sản xuất plastic và cao su tổng hợp nguyên sinh tăng 26,64% so với năm trước; sản phẩm chế biến từ dầu mỏ tăng 26,14%; thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tăng 8,67%; sản phẩm cây hàng năm tăng 4,03% do nguồn cung giảm, chi phí sản xuất và chi phí vận chuyển tăng trong khi nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng.

- Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo, nhóm sản phẩm nguyên liệu chế biến từ dầu mỏ tăng 26,99% so với năm trước; dầu, mỡ động, thực vật chế biến tăng 11,56%; sản phẩm gang, sắt, thép tăng 7,94%.

- Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho xây dựng, nhóm sản phẩm nguyên liệu chế biến dầu mỏ (nhựa đường; dầu diesel; dầu nhớt...) tăng 40,4% so với năm trước; dịch vụ lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước tăng 12,66%; sản phẩm gang, sắt, thép tăng 8,81%.

5. Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu, tỷ giá thương mại hàng hóa



a) Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa quý IV/2022 giảm 3,37% so với quý trước và tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm giảm 2,74% và tăng 3,22%; nhóm nhiên liệu giảm 2,54% và tăng 55,87%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo giảm 3,48% và tăng 1,93%.

Tính chung năm 2022, chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa tăng 7,09% so với năm trước. Trong đó, chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 7,74%; nhóm nhiên liệu tăng 64,55%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 5,23%.

Trong 40 nhóm hàng xuất khẩu chính, 39 nhóm hàng có chỉ số giá năm 2022 tăng so với năm trước, riêng nhóm cao su giảm 3,88% do giá trên thị trường thế giới biến động và sức tiêu thụ tại Trung Quốc giảm vì ảnh hưởng của dịch Covid-19. Cụ thể:

Giá xuất khẩu dầu thô năm 2022 tăng 65,69% so với năm 2021, chủ yếu do thị trường dầu thắt chặt và căng thẳng tại Nga và Ucraina làm cho nguồn cung các sản phẩm năng lượng bị gián đoạn trong khi nhu cầu tiêu thụ tăng.

Giá xuất khẩu phân bón năm nay tăng 42,19% so với năm trước do Nga là nước xuất khẩu phân bón đứng đầu thế giới tạm ngừng xuất khẩu làm cho nguồn cung phân bón trên thế giới giảm, tạo áp lực tăng giá.

Giá xuất khẩu sắt, thép năm 2022 tăng 7,29% so với năm 2021 do nhu cầu tiêu thụ thép của các nền kinh tế lớn tăng, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng và lắp ráp ô tô.

b) Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa

Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa quý IV/2022 giảm 3,88% so với quý trước và tăng 1,97% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm giảm 2,66% và tăng 6,54%; nhóm nhiên liệu giảm 8,45% và tăng 17,27%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo giảm 3,49% và tăng 1,28%.

Tính chung năm 2022, chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa tăng 8,56% so với năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 9,74%; nhóm nhiên liệu tăng 35,51%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo tăng 7,41%.

Trong 42 nhóm hàng nhập khẩu chính, 39 nhóm hàng có chỉ số giá năm 2022 tăng so với năm trước. Trong đó:

Giá nhập khẩu xăng dầu tăng 43,66% theo giá xăng dầu thế giới.

Giá nhập khẩu phân bón tăng 33,27% do xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina làm chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn và ảnh hưởng dịch Covid-19 khiến nguồn cung phân bón giảm. Bên cạnh đó, nguồn cung Ure tại châu Âu khan hiếm khi nhiều nhà máy ngừng hoặc cắt giảm sản xuất do giá khí đốt tăng.

Giá nhập khẩu sắt, thép tăng 20,92% do lo ngại thiếu hụt nguồn cung từ Ô-xtrây-li-a. Bên cạnh đó, Trung Quốc áp đặt các biện pháp kiểm soát sản lượng nghiêm ngặt và giảm dần sản lượng xuất khẩu cùng chính sách zezo Covid khiến nguồn cung sắt, thép toàn cầu sụt giảm.

Giá nhập khẩu lúa mỳ tăng 27% do ảnh hưởng giá tăng trên thị trường toàn cầu và ảnh hưởng xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina làm nguồn cung lúa mỳ giảm (khoảng 30% lượng lúa mỳ xuất khẩu trên thế giới đến từ Nga và Ucraina). Bên cạnh đó, thời tiết nóng và hạn hán trên diện rộng ảnh hưởng đến nguồn cung, kết hợp chi phí đầu vào sản xuất như giá năng lượng, nguyên vật liệu, phân bón tăng khiến giá lúa mỳ nhập khẩu tăng.

Giá nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 25,02% do giá các nguyên liệu đầu vào như lúa mì, ngô, nhiên liệu... tăng cao theo giá thế giới.

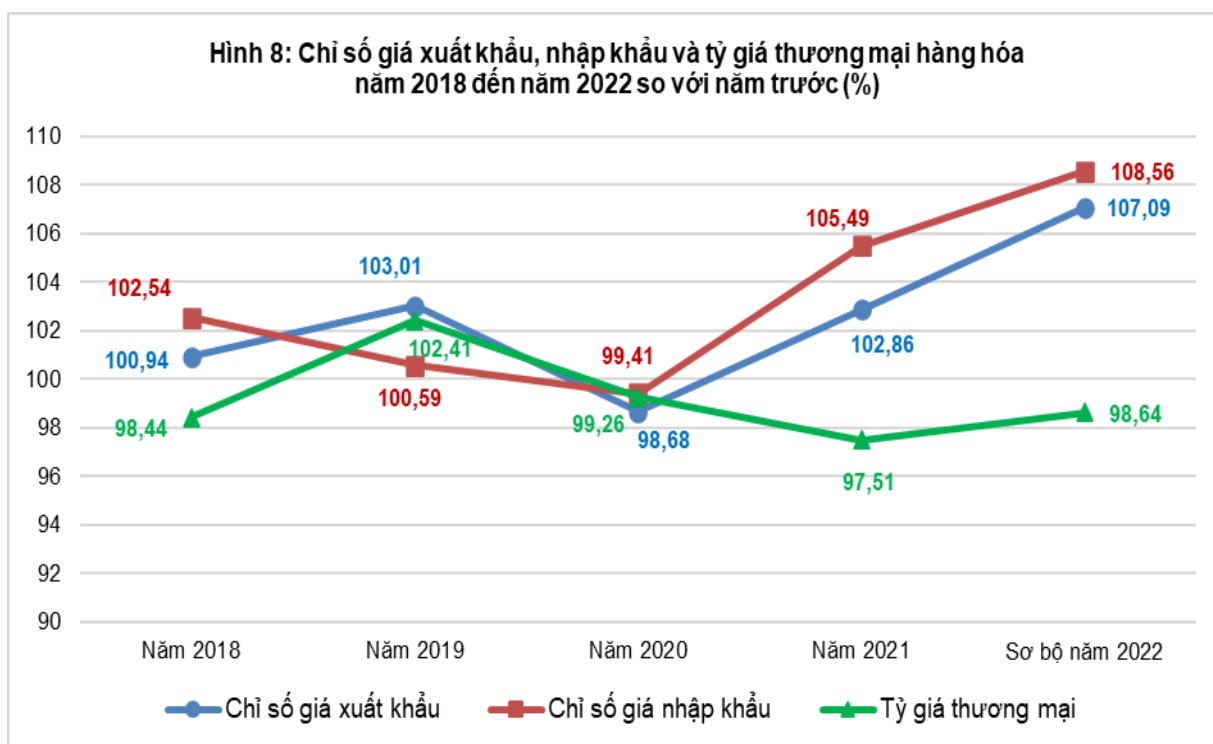
Ở chiều ngược lại, có 3 nhóm hàng chỉ số giá nhập khẩu năm 2022 giảm so với năm 2021, bao gồm giá nhập khẩu xe máy, linh kiện và phụ tùng giảm 5,94%; linh kiện phụ tùng ô tô giảm 0,9%; giá nhập khẩu sản phẩm từ cao su giảm 0,59%.

c) Tỷ giá thương mại hàng hóa

Tỷ giá thương mại hàng hóa (TOT)⁽⁵⁾ quý IV/2022 tăng 0,53% so với quý trước và tăng 1,51% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 4% và tăng 8,09%; sắt, thép tăng 3,86% và giảm 6,11%; hàng thủy sản giảm 2,53% và tăng 1,39%; hàng rau quả giảm 5,56% và giảm 7,7%; xăng dầu các loại giảm 2,25% và tăng 23,88%; cao su giảm 8,18% và giảm 10,77%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 2,78% và tăng 4%.

Tính chung năm 2022, TOT giảm 1,36% so với năm 2021. Trong đó, sắt, thép giảm 11,27%; cao su giảm 5,47%; hàng rau quả giảm 3,92%; gỗ và sản phẩm gỗ giảm 2,41%; xăng dầu các loại tăng 18,92%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 5,61%; hàng thủy sản tăng 3,75%.

⁽⁵⁾ Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa so với chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa.



Năm 2022, TOT giảm so với năm trước do chỉ số giá xuất khẩu có mức tăng thấp hơn mức tăng của chỉ số giá nhập khẩu, phản ánh Việt Nam đang ở vị trí không thuận lợi khi giá hàng nhập khẩu có lợi thế hơn so với giá hàng xuất khẩu.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ